

PHỤ LỤC ĐH15

Chương trình đào tạo ngành Truyền thông đa phương tiện

(Quyết định số 774/QĐ-HV ngày 14/06/2023 về việc ban hành Chương trình giáo dục đại học ngành Truyền thông đa phương tiện - trình độ đại học hệ chính quy)

1. ĐIỀU KIỆN TUYỂN SINH

a) Quy định chung:

- Đối tượng dự tuyển được xác định tại thời điểm xét tuyển (trước khi công bố kết quả xét tuyển chính thức), bao gồm:

+) Người đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương;

+) Người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật.

- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;

- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;

b) Đối với phương thức xét tuyển dựa vào kết quả thi THPT năm 2022:

Ngoài các yêu cầu theo quy định chung ở **mục a)** thì thí sinh phải tham dự kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2022 với các bài thi/môn thi theo tổ hợp xét tuyển tương ứng các ngành của Học viện.

c) Đối với phương thức xét tuyển kết hợp thi ngoài các yêu cầu theo quy định chung ở mục a) thì thí sinh cần có thêm một trong các điều kiện sau đây:

- Thí sinh có **Chứng chỉ quốc tế SAT**, trong thời hạn 02 năm (tính đến ngày xét tuyển) **từ 1130/1600** trở lên hoặc **ACT từ 25/36** trở lên; **và** có kết quả điểm trung bình chung học tập lớp 10, 11, 12 đạt từ 7,5 trở lên và có hạnh kiểm Khá trở lên;
- Thí sinh có **Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế** trong thời hạn (tính đến ngày xét tuyển) đạt **IELTS 5.5** trở lên *hoặc* **TOEFL iBT 65** trở lên *hoặc* **TOEFL ITP 513** trở lên; **và** có kết quả điểm trung bình chung học tập lớp 10, 11, 12 đạt từ 7,5 trở lên và có hạnh kiểm Khá trở lên;
- Thí sinh đạt giải Khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia *hoặc* đã tham gia kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia hoặc đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp Tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương (TW) các môn Toán, Lý, Hóa, Tin học **và** có kết quả điểm trung bình chung học tập lớp 10, 11, 12 đạt từ 7,5 trở lên và có hạnh kiểm Khá trở lên.
- Là học sinh chuyên các môn Toán, Lý, Hóa, Tin học của trường THPT chuyên trên phạm vi toàn quốc (*các trường THPT chuyên thuộc Tỉnh, Thành phố trực thuộc TW và các trường THPT chuyên thuộc Cơ sở giáo dục đại học*) *hoặc* hệ chuyên thuộc

các trường THPT trọng điểm quốc gia; **Và** có kết quả điểm trung bình chung học tập lớp 10, 11, 12 đạt từ 8,0 trở lên và có hạnh kiểm Khá trở lên (*Như danh sách các trường THPT chuyên kèm theo*).

d) Đối với phương thức xét tuyển dựa vào kết quả bài thi đánh giá năng lực hoặc đánh giá tư duy thì ngoài các yêu cầu theo quy định chung ở mục a) thì thí sinh cần có thêm một trong các điều kiện sau đây:

- Thí sinh có điểm thi đánh giá năng lực của Đại học quốc gia Hà Nội năm 2022 **từ 80 điểm trở lên;**
- Thí sinh có điểm thi đánh giá năng lực của Đại học quốc gia Tp. Hồ Chí Minh năm 2022 **từ 700 điểm trở lên;**
- Thí sinh có điểm thi đánh giá tư duy của Đại học Bách khoa Hà Nội năm 2022 **từ 20 điểm trở lên.**

2. MỤC TIÊU

2.1. Mục tiêu chung (Goals):

Chương trình đào tạo ngành Truyền thông đa phương tiện (Multimedia Communication) của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông hướng đến việc đào tạo nhân lực theo hướng hội nhập quốc tế, được trang bị kiến thức và kỹ năng truyền thông đa phương tiện và có thể đảm nhiệm các vị trí công việc khác nhau. Mục tiêu của chương trình nhằm cung ứng nguồn nhân lực trình độ đại học ngành truyền thông có khả năng đảm nhiệm các công việc như: chuyên viên truyền thông, PR, quảng cáo tại các cơ quan, tổ chức trong và ngoài nước, nhà báo đa phương tiện tại các cơ quan thông tấn - báo chí, quản lý các dự án đa phương tiện, tư vấn truyền thông đa phương tiện, cán bộ nghiên cứu, giảng dạy về lĩnh vực truyền thông đa phương tiện tại các cơ sở nghiên cứu, đào tạo; đáp ứng nhu cầu thị trường lao động trong nước và quốc tế trong lĩnh vực truyền thông. Chương trình được thiết kế dựa trên tiêu chí phát huy lợi thế đi đầu trong đào tạo nhân lực ngành truyền thông đa phương tiện tại Việt Nam theo định hướng hội nhập quốc tế; hướng đến đào tạo nhân lực ngành truyền thông đa phương tiện có năng lực làm chủ đồng thời khối kiến thức về truyền thông và công nghệ.

Sinh viên sau khi tốt nghiệp sẽ được cấp bằng tốt nghiệp **Cử nhân Truyền thông đa phương tiện** của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông.

2.2. Mục tiêu cụ thể (Program Objective – POs):

2.2.1. Về Kiến thức

PO1: Kiến thức cơ bản về lý luận chính trị, pháp luật Việt Nam, an ninh quốc phòng.

PO2: Kiến thức về khoa học xã hội nhằm đáp ứng các yêu cầu thực tiễn của hoạt động thực hành nghiệp vụ truyền thông;

PO3: Kiến thức cập nhật cơ bản về các nguyên lý, quy luật và thực tiễn về truyền thông, quan hệ công chúng và quảng cáo, báo chí để có thể vận dụng vào hiểu các hoạt động truyền thông, quảng cáo của các đơn vị, tổ chức và doanh nghiệp.

PO4: Kiến thức toàn diện, chuyên sâu về lý thuyết và thực tiễn hoạt động truyền thông như: các khối kiến thức về truyền thông đa phương tiện, thực hành các chiến lược PR, quảng cáo đa phương tiện, xử lý khủng hoảng truyền thông, quản lý các dự án truyền thông, khối kiến thức về báo chí dữ liệu, báo chí đa phương tiện và các khối kiến thức về công nghệ như: đồ họa đa phương tiện, ứng dụng thiết kế web.

2.2.2. Về Kỹ năng

PO5: Có kỹ năng xây dựng và phát triển quan hệ giữa cá nhân, tổ chức với các nhóm công chúng và giới truyền thông; ứng dụng và phát triển các sản phẩm quảng cáo đa phương tiện; viết và biên tập các sản phẩm truyền thông đa phương tiện. Có kỹ năng quản lý và tư vấn các dự án truyền thông đa phương tiện.

PO6: Có kỹ năng làm việc khoa học và chuyên nghiệp, tư duy hệ thống và tư duy phân tích, khả năng trình bày, khả năng giao tiếp và làm việc nhóm hiệu quả, có khả năng hội nhập môi trường quốc tế.

2.2.3. Về Thái độ

PO7: Có phẩm chất đạo đức tốt, ý thức nghề nghiệp, trách nhiệm công dân, chủ động sáng tạo, có ý thức phối hợp, hợp tác trong công việc, thường xuyên có ý thức học tập nâng cao trình độ, có năng lực chuyên môn và khả năng ngoại ngữ.

2.2.4. Trình độ ngoại ngữ và tin học

PO8: Đạt trình độ tiếng Anh 450 điểm TOEIC quốc tế; Có khả năng sử dụng tiếng Anh chuyên ngành để phục vụ công việc, học tập và nghiên cứu;

PO9: Khả năng sử dụng tốt các công cụ về tin học cơ bản và nâng cao, phục vụ công việc, học tập và nghiên cứu.

2.2.5. Vị trí làm việc sau tốt nghiệp:

Sau khi tốt nghiệp ngành Truyền thông đa phương tiện, sinh viên có đủ năng lực để đảm nhận các vị trí công việc ở các nhóm sau:

Nhóm 1: Chuyên viên truyền thông, quản lý và tư vấn các dự án truyền thông đa phương tiện tại các cơ quan, tổ chức trong và ngoài nước; các bộ phận truyền thông chính sách, thông tin tổng hợp của các đơn vị, doanh nghiệp, tổ chức chính trị xã hội.

Nhóm 2: Chuyên viên quảng cáo, quan hệ công chúng tại các cơ quan, tổ chức của Nhà nước, các tổ chức phi chính phủ, các doanh nghiệp, tổ chức chính trị xã hội.

Nhóm 3: Nhà báo đa phương tiện: Phóng viên, biên tập viên, kỹ thuật viên (quay phim, dựng phim, nhiếp ảnh...) tại các cơ quan thông tấn - báo chí.

Nhóm 4: Cán bộ nghiên cứu, giảng dạy về lĩnh vực truyền thông đa phương tiện tại các cơ sở nghiên cứu, đào tạo.

3. CHUẨN ĐẦU RA (Learning Outcomes – LOs)

3.1. Chuẩn về Kiến thức:

- LO1: Hiểu được những kiến thức cơ bản về lý luận chính trị, triết học Mác – Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh; Kiến thức an ninh quốc phòng để giải thích các vấn đề kinh tế - xã hội trong thực tiễn.
- LO2: Hiểu và giải thích được những vấn đề cơ bản của khoa học xã hội như: truyền thông, quảng cáo, báo chí, văn hóa – xã hội, pháp luật, tin học... để vận dụng các kiến thức này trong hoạt động truyền thông, quảng cáo và quan hệ công chúng trong các tổ chức, doanh nghiệp.
- LO3: Vận dụng kiến thức cơ sở và chuyên sâu về công nghệ và cách thức tổ chức sản xuất các sản phẩm đa phương tiện như podcast, video, website... phù hợp với hoạt động truyền thông, quảng cáo và quan hệ công chúng trong các tổ chức, doanh nghiệp.
- LO4: Vận dụng kiến thức chuyên sâu về truyền thông hiện đại; đặc thù về sáng tạo và phân phối nội dung truyền thông và quảng cáo trong môi trường hội nhập; Nắm vững và vận dụng những kiến thức chuyên ngành về Truyền thông, Quan hệ công chúng và quảng cáo để thực hiện tốt công tác quản lý dự án truyền thông, truyền thông chính sách, phòng ngừa và xử lý khủng hoảng truyền thông, sáng tạo các chiến lược truyền thông và quảng cáo theo đòi hỏi của thực tiễn.

3.2. Chuẩn về Kỹ năng:

Kỹ năng chuyên môn:

- LO5: Có kỹ năng quản lý và tư vấn các dự án truyền thông, quảng cáo đa phương tiện bao gồm phân tích, đánh giá các đề xuất, giải pháp và chiến lược nhằm cải thiện kết quả hoạt động truyền thông, quan hệ công chúng và quảng cáo của tổ chức/doanh nghiệp.
- LO6: Có kỹ năng viết, biên tập các sản phẩm truyền thông đa phương tiện đáp ứng yêu cầu các nghiệp vụ tác nghiệp cơ bản của người làm trong lĩnh vực Truyền thông, Quan hệ công chúng hay Quảng cáo (dẫn chương trình, sáng tạo nội dung, viết kịch bản đa phương tiện, sáng tạo quảng cáo ...).
- LO7: Có kỹ năng phối hợp, thích ứng nhanh và linh hoạt với các nhiệm vụ cụ thể thuộc chức năng Truyền thông, Quan hệ công chúng và Quảng cáo như phòng ngừa và xử lý khủng hoảng, thực hiện các chiến lược truyền thông chính sách.

Kỹ năng mềm:

- LO8: Kỹ năng giao tiếp: Giao tiếp và thuyết trình tốt thể hiện qua việc trình bày rõ ràng, tự tin và thuyết phục các vấn đề liên quan đến chuyên môn nghiệp vụ và kinh tế xã hội;
- LO9: Kỹ năng làm việc nhóm: biết thành lập và tổ chức tốt công việc theo nhóm; có khả năng hội nhập môi trường quốc tế.
- LO10: Kỹ năng về lập kế hoạch và tổ chức công việc: Có các kỹ năng cá nhân và phẩm chất nghề nghiệp trong việc giải quyết vấn đề và báo cáo phân tích; thành thạo kỹ

năng diễn thuyết và thuyết trình chuyên môn liên quan tới các hoạt động Truyền thông, Quan hệ công chúng và Quảng cáo.

LO11: Đạt trình độ tiếng Anh 450 điểm TOEIC quốc tế; Có khả năng sử dụng tiếng Anh chuyên ngành để phục vụ công việc, học tập và nghiên cứu;

3.3. Chuẩn về Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

LO12: Có bản lĩnh chính trị vững vàng; Kiên định đường lối cách mạng và chủ trương, chính sách của Nhà nước; Tuyệt đối trung thành với Tổ quốc và nhân dân; Chấp hành và thượng tôn pháp luật; Có phẩm chất đạo đức, ý thức nghề nghiệp, trách nhiệm với xã hội;

LO13: Có khả năng thích nghi, tự học và tích lũy kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; Chủ động và hợp tác trong công việc.

4. CÁC CHÍNH SÁCH, HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ HỌC TẬP, SINH HOẠT CHO NGƯỜI HỌC

- Người học được cấp email riêng, cấp tài khoản để sử dụng phần mềm quản lý đào tạo trực tuyến để quản lý và theo dõi quá trình học tập của mình, tự tra cứu tiến độ kế hoạch học tập, kinh phí, học phí, kết quả học tập của cá nhân.
- Bên cạnh các hoạt động nằm trong chương trình đào tạo, sinh viên còn được đào tạo các kỹ năng mềm như kỹ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tạo lập văn bản tiếng Việt. Đặc biệt, sinh viên còn được tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học, các câu lạc bộ do Học viện tổ chức.
- Chế độ, chính sách đối với sinh viên được thực hiện trên tinh thần công khai, công bằng và đúng quy định. Tổ chức xét khen thưởng, kỷ luật được tiến hành thường xuyên và đúng quy chế.

5. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 126 tín chỉ (chưa bao gồm khối lượng kiến thức Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng và Kỹ năng mềm).

NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

5.1. Cấu trúc chương trình

STT	Khối kiến thức	Tín chỉ
1	Kiến thức giáo dục đại cương	38
<i>1.1.</i>	<i>Khối kiến thức chung</i>	<i>27</i>
<i>1.1.1</i>	<i>Lý luận chính trị</i>	11
<i>1.1.2.</i>	<i>Tiếng Anh</i>	14
<i>1.1.3.</i>	<i>Tin học</i>	2
<i>1.2.</i>	<i>Khối kiến thức khoa học xã hội</i>	<i>11</i>
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	78

STT	Khối kiến thức	Tín chỉ
2.1.	<i>Kiến thức cơ sở ngành (nhóm ngành và ngành)</i>	46
2.2.	<i>Kiến thức chuyên ngành</i>	32
3	Thực tập và Tốt nghiệp	10
	CỘNG	126

5.2. Nội dung chương trình đào tạo

5.2.1. Khối kiến thức chung

TT	Tên học phần	Mã số học phần	Số tín chỉ	Lên lớp		Thí nghiệm /Thực hành (tiết)	Tự học (tiết)	Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết (tiết)	Chữa bài tập /Thảo luận (tiết)			
1	Triết học Mác-Lênin	BAS1150	3	34	10		1	
2	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	BAS1151	2	24	6			
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	BAS1152	2	24	6			
4	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	BAS1153	2	24	6			
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	BAS1122	2	24	6			
6	Tiếng Anh (Course 1)	BAS1157	4					
7	Tiếng Anh (Course 2)	BAS1158	4					
8	Tiếng Anh (Course 3)	BAS1159	4					
9	Tiếng Anh (Course 3 Plus)	BAS1160	2					
10	Tin học cơ sở 1	INT1154	2	20	4	4	2	
	Tổng:		27					
<i>Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng</i>								
1	Giáo dục thể chất 1	BAS1106	2	2		26	2	
2	Giáo dục thể chất 2	BAS1107	2	2		26	2	
3	Giáo dục Quốc phòng	BAS1105	7,5					
<i>Kiến thức các môn kỹ năng</i>								
1	Kỹ năng thuyết trình	SKD1101	1	6	8		1	
2	Kỹ năng làm việc nhóm	SKD1102	1	6	8		1	
3	Kỹ năng tạo văn bản	SKD1103	1	6	8		1	
4	Kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức công việc	SKD1104	1	6	8		1	

TT	Tên học phần	Mã số học phần	Số tín chỉ	Lên lớp		Thí nghiệm /Thực hành (tiết)	Tự học (tiết)	Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết (tiết)	Chữa bài tập /Thảo luận (tiết)			
5	Kỹ năng giao tiếp	SKD1105	1	6	8		1	
6	Kỹ năng giải quyết vấn đề	SKD1106	1	6	8		1	
7	Kỹ năng tư duy sáng tạo	SKD1107	1	6	8		1	

(*) Điều kiện để đăng ký học phần tiếng Anh Course 1 trong chương trình là sinh viên phải đạt trình độ tiếng Anh từ 225 điểm theo bài thi TOEIC Placement Test trở lên; các sinh viên chưa đạt mức điểm trên sẽ phải hoàn thành học phần tiếng Anh bổ trợ Course 0 (mã BAS1156). Kế hoạch học tập môn học tiếng Anh thực hiện theo chương trình chi tiết riêng.

5.2.2. Khối kiến thức khoa học xã hội

T T	Tên học phần	Mã số học phần	Số tín chỉ	Lên lớp		Thí nghiệm /Thực hành (tiết)	Tự học (tiết)	Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết (tiết)	Chữa bài tập /Thảo luận (tiết)			
11	Lịch sử văn minh thế giới	MUL12117	2	24	6			
12	Pháp luật đại cương	BSA1221	2	24	6			
13	Marketing căn bản	MAR1322	3	36	8		1	
14	Cơ sở văn hóa Việt Nam	MUL1240	2	24	6			
15	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	SKD1108	2	18	6		6	
Cộng:			11					

5.2.3. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

5.2.3.1 Kiến thức cơ sở ngành

T T	Tên học phần	Mã số học phần	Số tín chỉ	Lên lớp		Thí nghiệm /Thực hành (tiết)	Tự học (tiết)	Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết (tiết)	Chữa bài tập /Thảo luận (tiết)			
16	Nhập môn truyền thông	MUL1391	2	24	6			
17	Nhập môn quảng cáo	MUL13120	2	24	6			
18	Nhập môn PR	MUL1395	2	24	6			

T T	Tên học phần	Mã số học phần	Số tín chỉ	Lên lớp		Thí nghiệm /Thực hành (tiết)	Tự học (tiết)	Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết (tiết)	Chữa bài tập /Thảo luận (tiết)			
19	Các loại hình báo chí hiện đại	MUL13119	2	24	6			
20	Lý thuyết PR	MUL14108	2	24	6			
21	Lý thuyết truyền thông	MUL1392	2	24	6			
22	Phương pháp nghiên cứu truyền thông	MUL1289	2	24	6			
23	Viết đa phương tiện	MUL1396	2	24	6			
24	Pháp luật và đạo đức truyền thông	MUL13118	2	24	6			
25	Thiết kế đồ họa cơ bản	MUL1426	3	32	12		1	
26	Kịch bản đa phương tiện	MUL1423	2	24	6			
27	Quay phim	MUL13147	3	32	12		1	
28	Kỹ thuật nhiếp ảnh	MUL1313	3	32	12		1	
29	Biên tập đa phương tiện	MUL13210	3	32	12			
30	Nghệ thuật kể chuyện đa phương tiện	MUL1398	2	24	6			
31	Diễn thuyết trước công chúng	MUL13100	2	24	6			
32	Truyền thông và dư luận xã hội	MUL1394	2	24	6			
33	Phông vấn: Lý thuyết và thực hành	MUL1399	2	24	6			
Cộng (1):			40					
Học phần tự chọn (chọn 3 trong 7 học phần: 6 TC)								
34	Báo chí điều tra	MUL13101	2	24	6			
35	Thiết kế ấn phẩm báo chí	MUL1463	2	24	6			
36	Thiết kế tương tác đa phương tiện	MUL1425	2	24	6			
37	Ngôn ngữ truyền thông	MUL13105	2	24	6			
38	Truyền thông quốc tế	MUL13103	2	24	6			
39	Kinh tế truyền thông	MUL13104	2	24	6			
40	Báo chí đa phương tiện	MUL13211	2	24	6			
Cộng (2):			6					
Tổng = (1) + (2)			46					

5.2.3.2 Kiến thức chuyên ngành

T T	Tên học phần	Mã số học phần	Số tín chỉ	Lên lớp		Thí nghiệm /Thực hành (tiết)	Tự học (tiết)	Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết (tiết)	Chữa bài tập /Thảo luận (tiết)			
41	Báo chí dữ liệu	MUL14107	2	24	6			
42	PR: Chiến lược và thực hành	MUL14109	3	36	8		1	
43	Quảng cáo đa phương tiện	MUL14110	2	24	6			
44	Quảng cáo: Chiến lược và thực hành	MUL14111	3	36	8		1	
45	Quản lý dự án truyền thông	MUL14112	2	24	6			
46	Ứng dụng đồ họa đa phương tiện	MUL14113	3	32	12	1		
47	Ứng dụng thiết kế web	MUL14114	3	32	8	4	1	
48	Tổ chức sản xuất video	MUL14205	3	32	12		1	
49	Tổ chức sản xuất podcast	MUL14206	3	32	12		1	
50	Rủi ro và xử lý khủng hoảng truyền thông	MUL13102	2	24	6			
51	Truyền thông chính sách	MUL14207	2	24	6			
52	Thực hành chuyên sâu	MUL13116	4					
	Cộng:		32					

5.2.4 Thực tập tốt nghiệp (mã MUL15212): 4 TC và Khóa luận tốt nghiệp (mã MUL15213): 6 TC hoặc học phần thay thế tốt nghiệp:

T T	Tên học phần	Mã số học phần	Số tín chỉ	Lên lớp		Thí nghiệm /Thực hành (tiết)	Tự học (tiết)	Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết (tiết)	Chữa bài tập /Thảo luận (tiết)			
1	Truyền thông nội bộ	MUL14208	3	22	12		1	
2	Tổ chức sự kiện	MUL14209	3	22	12		1	

6. KHẢ NĂNG HỌC TẬP, NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ SAU KHI RA TRƯỜNG

Có thể tiếp tục học tiếp lên trình độ sau đại học tại các cơ sở giáo dục đại học trong nước và nước ngoài.

7. VỊ TRÍ LÀM VIỆC SAU KHI TỐT NGHIỆP

Sau khi tốt nghiệp ngành Truyền thông đa phương tiện, sinh viên có đủ năng lực để đảm nhận các vị trí công việc ở các nhóm sau:

Nhóm 1: Chuyên viên truyền thông, quản lý và tư vấn các dự án truyền thông đa phương tiện tại các cơ quan, tổ chức trong và ngoài nước; các bộ phận truyền thông chính sách, thông tin tổng hợp của các đơn vị, doanh nghiệp, tổ chức chính trị xã hội.

Nhóm 2: Chuyên viên quảng cáo, quan hệ công chúng tại các cơ quan, tổ chức của Nhà nước, các tổ chức phi chính phủ, các doanh nghiệp, tổ chức chính trị xã hội.

Nhóm 3: Nhà báo đa phương tiện: Phóng viên, biên tập viên, kỹ thuật viên (quay phim, dựng phim, nhiếp ảnh...) tại các cơ quan thông tấn - báo chí.

Nhóm 4: Cán bộ nghiên cứu, giảng dạy về lĩnh vực truyền thông đa phương tiện tại các cơ sở nghiên cứu, đào tạo.